

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phân bổ kinh phí hỗ trợ thực hiện chính sách khuyến khích sử dụng hình thức hỏa táng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2017.

CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015 của Quốc hội; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về việc: “Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước”;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005; Luật Phòng chống bệnh truyền nhiễm ngày 21 tháng 11 năm 2007; Quyết định số 308/QĐ-TTg ngày 25/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc: “Ban hành kèm theo Quy chế thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội”; Quyết định số 2282/QĐ-TTg ngày 26/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc: “Phê duyệt Đề án khuyến khích sử dụng hình thức hỏa táng”; Thông tư số 04/2011/TT-BVHTTDL ngày 21/01/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc: “Quy định về việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội”;

Căn cứ Quyết định số 4763/2016/QĐ-UBND ngày 09/12/2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa về: “Giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2017”; Quyết định số 5259/2015/QĐ-UBND ngày 14/12/2015 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc: “Ban hành chính sách khuyến khích sử dụng hình thức hỏa táng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa”;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tỉnh Thanh Hóa tại Công văn số 520/STC-QLNSHX ngày 17/02/2017 về việc: “Phân bổ kinh phí thực hiện chính sách khuyến khích sử dụng hình thức hỏa táng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2017”,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phân bổ kinh phí hỗ trợ thực hiện chính sách khuyến khích sử dụng hình thức hỏa táng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2017 để các ngành, các đơn vị có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện; với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Đối tượng và mức hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 5259/2015/QĐ-UBND ngày 14/12/2015 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc: “Ban hành chính sách khuyến khích sử dụng hình thức hỏa táng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa”.

2. Nguyên tắc phân bổ kinh phí hỗ trợ đợt này:

- Thanh toán kinh phí còn thiếu cho các đơn vị, địa phương theo số liệu quyết toán thực hiện năm 2016.

- Đối với các đơn vị, địa phương có kinh phí được phân bổ năm 2016 còn dư: Thực hiện chuyển nguồn sang năm 2017 để tiếp tục thực hiện chính sách.

- Đối với các đơn vị, địa phương còn lại: Phân bổ khoảng 80,0% so với tổng nhu cầu (dự toán) năm 2017.

3. Kinh phí hỗ trợ phân bổ:

3.1. Năm 2016:

a) Tổng kinh phí đã giao: 8.000.000.000,0 đồng (Tám tỷ đồng).

b) Kinh phí thực hiện năm 2016 là: 8.520.550.000,0 đồng. (Tám tỷ, năm trăm hai mươi triệu, năm trăm năm mươi nghìn đồng).

c) Kinh phí thừa năm 2016 của các đơn vị, địa phương chuyển sang năm 2017 thực hiện là: 992.750.000,0 đồng (Chín trăm chín mươi hai triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Trong đó: Kinh phí thừa của các đơn vị cấp tỉnh quản lý chuyển nguồn sang năm 2017 để tiếp tục thực hiện là: 296.000.000,0 đồng (Hai trăm chín mươi sáu triệu đồng).

d) Kinh phí thực hiện của các đơn vị, địa phương năm 2016 còn thiếu phải bổ sung là: 1.513.300.000,0 đồng (Một tỷ, năm trăm mười ba triệu, ba trăm nghìn đồng).

3.2. Năm 2017:

a) Tổng nhu cầu kinh phí phải hỗ trợ theo chính sách: 9.612.900.000,0 đồng (Chín tỷ, sáu trăm mười hai triệu, chín trăm nghìn đồng).

Trong đó:

- Nhu cầu (dự toán) kinh phí năm 2017 là: 9.092.350.000,0 đồng.

- Kinh phí năm 2016 còn thiếu phải bổ sung là: 1.513.300.000,0 đồng.

- Kinh phí thực hiện năm 2016 còn thừa chuyển sang năm 2017 để tiếp tục thực hiện là: 992.750.000,0 đồng.

b) Kinh phí hỗ trợ phân bổ đợt này: 8.000.000.000,0 đồng (Tám tỷ đồng).

* Phần kinh phí hỗ trợ của các đơn vị, địa phương năm 2017 còn thiếu sẽ được bổ sung sau khi có quyết toán.

c) Nguồn kinh phí: Từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường (Chính sách khuyến khích sử dụng hình thức hòa táng) trong dự toán ngân sách tỉnh năm 2017.

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)

4. Tổ chức thực hiện:

4.1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa thực hiện các thủ tục nghiệp vụ chuyển nguồn cho các đơn vị dự toán cấp tỉnh và thông báo bổ sung có mục tiêu dự toán năm 2017 cho các địa phương, đảm bảo theo đúng các quy định hiện hành.

4.2. Thủ trưởng các đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ vào kinh phí hỗ trợ được phân bổ có trách nhiệm chỉ đạo thực

hiện nhiệm vụ theo đúng quy định tại Quyết định số 5259/2015/QĐ-UBND ngày 14/12/2015 của UBND tỉnh Thanh Hóa; quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, đối tượng theo quy định hiện hành của nhà nước; có trách nhiệm gửi báo cáo quyết toán thực hiện chính sách về Sở Tài chính tỉnh Thanh Hóa để tổng hợp trước ngày 15/02 năm sau. Riêng những đơn vị có nhu cầu bổ sung thì gửi báo cáo tình hình thực hiện (kèm theo chứng từ đã chi trả) về Sở Tài chính tỉnh Thanh Hóa trước ngày 30/10 năm kế hoạch để tổng hợp, trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét bổ sung.

Điều 2. Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; UBND các huyện, thị xã, thành phố, các ngành và các đơn vị liên quan căn cứ nội dung đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện, đảm bảo theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

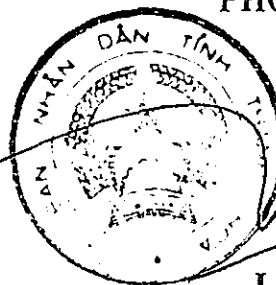
Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Lao động, Thương binh và Xã hội, Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ (để thực hiện);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTT Thn201720 (35).

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Thị Thìn

Phụ biểu:

**PHÂN BỐ KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH SỬ DỤNG HÌNH THỨC
HỢP ĐỒNG NĂM 2017 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA**

(Kèm theo Quyết định số 511/QĐ-UBND ngày 23/02/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: Nghìn đồng

STT	Tên đơn vị	Thực hiện năm 2016							Dự toán năm 2017					
		Thực hiện			Kinh phí đã giao năm 2016	KP thừa, thiếu 2016		Nhu cầu năm 2017				Tổng kinh phí phải hỗ trợ 2017	Kinh phí hỗ trợ phân bổ đợt này	
		Đối tượng				Kinh phí thừa chuyển 2017 thực hiện	Kinh phí thực hiện 2016 thiếu bổ sung	Đối tượng			Kinh phí			
		Bệnh TN	Trên 10 tuổi	Dưới 10T				Bệnh TN	Trên 10 tuổi	Dưới 10 tuổi				
A	B	1	2	3	4	5	6=5-4	7=4-5	8	9	10	11	12=11+7-6	13
	Tổng cộng:	60	2.682	26	8.520.550	8.000.000	992.750	1.513.300	60	2.919	26	9.092.350	9.612.900	8.000.000
1	Khối huyện	60	2.674	26	8.496.550	7.680.000	696.750	1.513.300	60	2.819	26	8.796.350	9.612.900	8.000.000
1	Thành phố	17	518	2	1.629.400	1.630.000	600	-	17	518	2	1.629.400	1.628.800	1.310.060
2	Bỉm Sơn	2	120	-	374.450	220.000	-	154.450	2	120	-	374.450	528.900	454.010
3	Hoàng Hoá	3	262	1	814.850	570.000	-	244.850	3	262	1	814.850	1.059.700	896.730
4	Thiệu Hoá	-	194	-	582.000	430.000	-	152.000	-	194	-	582.000	734.000	617.600
5	Hà Trung	3	174	-	548.850	390.000	-	158.850	3	174	-	548.850	707.700	597.930
6	Nông Cống	2	130	-	407.900	410.000	2.100	-	2	130	-	407.900	405.800	324.640
7	Thọ Xuân	-	214	-	642.000	570.000	-	72.000	-	214	-	642.000	714.000	585.600
8	Sầm Sơn	4	68	-	239.800	120.000	-	119.800	4	68	-	239.800	359.600	311.640
9	Đông Sơn	2	92	-	289.150	160.000	-	129.150	2	92	-	289.150	418.300	360.470
10	Nga Sơn	1	90	-	278.950	230.000	-	48.950	1	90	-	278.950	327.900	272.110
11	Hậu Lộc	4	108	-	359.800	280.000	-	79.800	4	108	-	359.800	439.600	367.640
12	Yên Định	1	118	-	362.950	270.000	-	92.950	1	118	-	362.950	455.900	383.310
13	Vĩnh Lộc	-	85	-	255.000	140.000	-	115.000	-	85	-	255.000	370.000	319.000
14	Thạch Thành	-	56	-	168.000	170.000	2.000	-	-	56	-	168.000	166.000	132.800
15	Quảng Xương	5	146	-	482.750	470.000	-	12.750	5	146	-	482.750	495.500	398.950
16	Tĩnh Gia	1	50	-	158.950	370.000	211.050	-	1	67	-	211.050	-	-
17	Triệu Sơn	2	99	-	314.900	340.000	25.100	-	2	99	-	314.900	289.800	231.840
18	Cẩm Thủy	-	16	-	48.000	130.000	82.000	-	-	27	-	82.000	-	-
19	Ngọc Lặc	2	22	-	79.150	170.000	90.850	-	2	26	-	90.850	-	-
20	Như Thanh	-	35	-	105.000	110.000	5.000	-	-	35	-	105.000	100.000	80.000
21	Lạng Chánh	-	5	-	15.000	60.000	45.000	-	-	15	-	45.000	-	-
22	Bá Thước	10	46	23	252.750	120.000	-	132.750	10	90	23	252.750	385.500	334.950
23	Quan Hoá	-	2	-	6.000	50.000	44.000	-	-	15	-	44.000	-	-
24	Thường Xuân	-	11	-	33.000	110.000	77.000	-	-	26	-	77.000	-	-
25	Như Xuân	-	5	-	15.000	80.000	65.000	-	-	22	-	65.000	-	-
26	Quan Sơn	1	8	-	32.950	40.000	7.050	-	1	8	-	32.950	25.900	20.720
27	Mường Lát	-	-	-	-	40.000	40.000	-	-	14	-	40.000	-	-
11	Các ĐVDT cấp tỉnh	-	8	-	24.000	320.000	296.000	-	-	100	-	296.000	-	-
1	Trung tâm BTXH	-	-	-	-	110.000	110.000	-	-	37	-	110.000	-	-
2	Trung tâm BTXH số 2	-	4	-	12.000	80.000	68.000	-	-	23	-	68.000	-	-
3	TT điều dưỡng NCC	-	4	-	12.000	50.000	38.000	-	-	13	-	38.000	-	-
4	TT chữa bệnh - giáo dục - LDXH số 2 huyện Quan Hoá	-	-	-	-	80.000	80.000	-	-	27	-	80.000	-	-

Ghi chú: Các đơn vị dự toán cấp tỉnh (Trung tâm BTXH, Trung tâm BTXH số 2, TT điều dưỡng NCC, TT chữa bệnh-giáo dục-LDXH số 2 huyện Quan Hoá): Kinh phí thừa năm 2016 đề nghị chuyển nguồn sang năm 2017 thực hiện. 296.000 nghìn đồng

Xét